

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE



ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán-Sứ phố Richaud, Hanoi

慧 燦 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUOC
Chánh hội trưởng
hội Phật-Giáo.
Quản lý
CUNG-DINH-BINH

Chánh chủ bút
PHAN-TRUNG-THU
Sư cụ chùa Bông-Sứ
Phó chủ bút
DUONG-VAN-HIEN
Sư cụ chùa Tể-Cát



GIÁ BÁO :

CẢ NĂM : 1 \$ 00 — NỬA NĂM : 0 \$ 50 — MỖI SỐ : 0 \$ 03

Kính trình các hội-viên hội Phật-giáo và các vị độc-giả báo « Đuốc-tuệ »

Ngài nào dỗi chỗ ở thì xin gửi thư về ngay nói cho chúng tôi biết để tiện gửi thư từ báo sách khời thất lạc xin các ngài nhớ kỹ cho.

Kính trình các giáo-hữu hội-viên hội Phật-giáo

Báo « Đuốc-tuệ » của hội ta ấn-hành là cốt diễn-dịch những kinh sách nhà Phật để cho hội-viên trong hội cùng hiểu thấu giáo-lý mà tu hành. Báo ra mỗi năm 52 quyển, hội chỉ lấy vừa đủ tiền in có một đồng bạc ; ai cũng nên và cũng có thể mua xem được cả.

Vậy kính trình các giáo-hữu ai đã nhận mua báo rồi thì xin đem tiền giả tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình mà lấy giấy biên lai ; ai chưa nhận mua báo thì xin biên rõ tên họ và chỗ ở giao tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình hay là gửi thẳng về chùa Quán-sứ Hanoi để chúng tôi gửi báo tới.

Kính trình các vị chánh đại-biểu đại-lý hội Phật-giáo ở các địa-phương

Chúng tôi xin gửi ngài một quyển biên lai nhận tiền báo để ai gửi giả tiền báo thì ngài biên lai thu giùm cho. Trong số hội-viên ở địa-phương ngài ai chưa mua thì xin ngài gia công khuyến hóa giúp, rất cảm ơn ngài.

BẢN BÁO KHẢI SỰ

Vì mấy số báo đầu hết cả vậy từ nay ai mua năm hoặc mua nửa năm, chúng tôi xin gửi từ số 15 trở đi mà hạn mua báo sẽ kể bắt đầu từ đấy.

Thư từ và mandat xin nhớ gửi cho ông Cung-đình-Bính quản-lý báo Đuốc-tuệ chùa Quán-sứ, phố Richaud Hanoi.

TUẦN LỄ TỪ THIÊN

**Bắc-kỳ Phật-giáo hội Hội-trưởng
kính-trình thập phương giáo-hữu**

Nam-mô A-di-đà Phật

Hiện nay quan Đốc-lý với tôi, cùng các thân-hào Tây, Nam ở Hanoi đương tổ chức một tuần lễ từ thiên, bày các chò vui để lấy tiền cứu giúp cho các người Tây, Nam nghèo khổ không có công việc làm, để đỡ họ cho qua khỏi cái cơn túng đói trong lúc này, thật là một việc cứu tai tuất nạn, thật hợp với tôn-chỉ từ-bi bác-ái của đạo Phật, những người có hăng tâm, hăng sẵn, tưởng đều nên hết lòng gắng sức mà làm việc nghĩa này không ai nỡ bỏ qua

Cái tôn-chỉ tối cao của Phật-giáo là cứu khổ cứu nạn, ra tay tế-độ mà vớt người trầm luân, việc tổ-chức « Tuần lễ từ thiên » này, Hội Phật-giáo ta phải nên gánh một phần, mà cũng là một cái cơ-hội hay cho Hội ta tổ được tấm lòng từ thiện cùng những kẻ khổn khổ, và cho công chúng biết Hội ta lúc nào cũng sẵn lòng làm những việc phúc đức cho đồng-bào, trong cơn hoạn nạn.

Tôi vẫn biết các giáo-hữu vẫn sẵn lòng tài thí, thí kể ít người nhiều nên cùng vào việc từ thiên này, thật là công đức vô lượng.

Vậy tôi xin anh em chị em giáo-hữu cùng chư tăng ni nên mau làm việc nghĩa này. Từ nay đến hôm 10 tháng 7 năm này tức là 20 tháng ba nhuận ta, ai cùng tiền, xin kê tên họ cùng quản chỉ của mình và số tiền cùng, gửi lên cho ông Cung-đình-Bình quản-lý báo Đuốc-tuệ để đăng báo, và nhận tiền. Ở địa-phương nào có chi hội Phật-giáo, thì xin cứ gửi số tiền cùng cho ông đại-lý nhận cho.

Số tiền cùng của các thiện-lin gửi các ngài đại-lý, xin các ngài cứ thu nhận cả cho, rồi đến hôm 11 Mai 1936 gửi lên một lần cho tôi để tôi đệ nộp quan Đốc-lý cấp phát ch, những người nghèo khổ.

Việc từ thiên làm sớm ngày nào hay ngày ấy, đồng tiền giúp trước giú sau tuy cũng vậy, nhưng trước một ngày là cứu trước cơn khổ một ngày.

Các giáo-hữu làm phúc tron việc này tức là làm về-vang cho Hội Phật-giáo mà tổ ra cho công chúng biết là chúng ta thực làm làm việc từ bi, đã hiểu thấu cái tôn-chỉ cứu khổ cứu nạn của đạo Phật.

Nay kính đạt

LUÂN-LÝ TỬ' AN 四恩 CỦA ĐẠO PHẬT

Trước khi giảng-giải về đạo Tử-an là những gì cùng là những công việc thực hành cho luân-ly Tử-an ấy là những thế nào mà trong các kinh sách Phật đã dạy, tôi hằng xin nói về những cái ý-nghĩa mà người đời đã nhận lầm về đạo Phật từ lâu nay. Những cái ý-nghĩa nhận lầm ấy không những có hại cho đạo Phật mà chính có hại cho cuộc đời hiện-thế chung của chung ta nhiều lắm. Thế mà những cái ý-nghĩ lầm sai ấy nó lại cũng thấm sâu vào trong óc người đời lâu lắm rồi. Bởi vậy cho nên cái nghĩa vụ của kẻ khải-cứu về Phật-học ở xã-hội ta ngày nay là trước khi muốn phát-huy về một chủ-nghĩa chân-chính gì của đạo Phật để truyền bá ra cho rộng, mong có chút bổ ích cho đời, thì tất phải biện-luận và bài-bác những cái ý-tưởng sai-lầm nào trái với cái chủ-nghĩa chân-chính của đạo Phật mà mình muốn phát huy ra, nghĩa là phải làm cho người đời tỉnh-thức lại, biết những ý-nghĩ trước kia là sai-lầm, là có hại để mà tránh, và hiểu cái chủ-nghĩa mới phát huy đó là chân-chính, là ích-lợi để mà tin theo.

Kể những cái ý-nghĩ sai-lầm của người đời đối với đạo Phật đã lâu nay thì còn nhiều lắm, ta còn phải tốn công-phu giảng-cứu luận-bàn và tuyên dương rộng ra để thanh-thức cho mọi người quanh bên ta, thì đạo Phật mới đời ngày một thêm rạng-tỏ mà tạo phúc cho đời. Vậy bắt đầu tôi xin nói về những ý-nghĩ sai-lầm trái với đạo Tử-an mà tôi sẽ giải bàn ra sau đây.

Còn nhớ lúc tôi ít tuổi, chưa từng đọc kinh Phật, có nghe người ta truyền-tụng một đôi câu đối nôm mà người đời lấy làm hay. Một vế là của một vị sư ra cho người ta đối, một vế là của một nhà nho-sĩ đối lại.

Vế của vị Tăng ra rằng:

*Thông ba-mươi-sáu bộ kinh, chưa Phật-thành, Thân-liên
nhưng khác tục.*

Vế của nhà nho-sĩ đối lại rằng:

*Hay tám-nghìn-tư chữ kệ, không quán-thần phụ-tử
chẳng ra người.*

Xét khâu-khí hai về câu đối này, vì bêu ra không khỏi có cái dạng kiêu-căng cho nên bị bêu đối bài-bác lại. Năm chữ « *không quân-thần, phụ-lữ* » chính là bài-bác từ đạo Phật mà cho là một đạo dứt bỏ cả mọi điều luân-lý hiện-thế, dứt bỏ cả những mối ân-tình với đời, nhất là hai mối ân-tình nhón nhất là *dứt nước và cha mẹ*.

Kể đó tôi lại thấy nhiều những ông già bà lão, mà chính những người đã lẫn lộn với việc đời nhiều, khi trở về già các cụ mới qui Phật, bấy giờ con cháu hay là bà con có ai hỏi các cụ về việc gì, các cụ liền giả nhời rằng: « *Bây giờ tôi tu rồi, mĩ-ni te tai, sự ai không biết* ».

Đó là về hạng người đã già, còn hạng người còn trẻ thì như trong bài « *Cung oán ngâm* » tả lời của một người giai nhân vì trán đời muốn đi tu mà nói rằng:

« *Ngây mượn thú liêu-dao của Phật,*

« *Mỗi thất tình quyết dứt cho xong,*

« *Đa mang chỉ nữa dèo bông.*

« *Vui gì thế sự mà mong nhân tình. . . . »*

Cứ những ý-nghĩ về sự tu Phật của hai hạng người đã tỏ ra như trên ấy, thì đạo Phật chính là một đạo dứt bỏ cả mọi cái luân-lý hiện-thế, dứt bỏ cả mọi mối ân-tình với đời thực rồi, mà cái câu « *Không quân-thần phụ-lữ* » của kẻ bài bác kia, không phải là vu oan. Như thế thì sự tu Phật chỉ là một cách mượn cửa Phật để làm cái thú liêu-dao của những ông già bà lão đã trán-trường về cuộc đời, và của những người thanh-niên nam nữ bị duyên-phận hãm-hiu, công danh chắt trở, nung-nấu cho qua ngày-đoạn tháng, chứ còn có lợi ích gì cho ai. mà cũng chẳng lợi ích gì cho người đã tu theo cái ý-nghĩ ấy. Và đã không những không lợi-ích gì cho mình cho người mà cái ảnh-hưởng trán đời trốn nợ, nó còn làm huồn-rầu, nguội-lạnh cho lòng người mà di-hại không phải ít.

Song đối với cái ý nghĩ đó, tôi rất lấy làm ngờ, nghĩ rằng không có lẽ một cái đạo tự nhận là từ-bi, quảng-đại như đạo Phật, bằng lấy những nghĩa « *bác-ái, bình-đẳng* » làm tông-chỉ duy-nhất mà lại chỉ chuyên dạy cho người dứt bỏ hết cả mọi mối luân-lý ân-tình ở đời là cơ gì.

Sau đọc được khá kinh sách Phật, tôi mới thấy ra rằng đạo Phật không phải như ý-nghĩ của những hạng người trên kia đã tưởng. Đạo Phật chính là một tông giáo về lý tưởng thì rất là cao-siêu, mà về đạo-đức luân-lý thì rất là bao hàm mà thiết thực. Đạo đức luân-lý trong đạo Phật kể ra không xiết, tóm lại là « *van hạnh 萬行* », đều là những đức nết làm lợi ích về tâm thân cho mình và cho kẻ khác cả. Song phân ra làm từng mối lớn, qui vào cho có thống-hệ, thì có hai mối cốt-yếu, một là *luân-lý sáu phương*, hai là *luân-lý Tứ-án*. Hai mối ấy hợp lại, mới là trọn-ven.

Luân-lý sáu phương là Phật dạy về những điều đạo-đức của từng cá-nhân có quan-hệ với nhau, phải đối đãi với nhau thế nào như cha mẹ đối với con cái, con cái đối với cha mẹ, đều phải thế nào. Chồng đối với vợ, vợ đối với chồng, đều phải thế nào. Thầy đối với học trò, học trò đối với thầy, đều phải thế nào. Họ hàng, bè bạn, đối với nhau đều phải thế nào. Chủ nhà đối với người ở, người ở đối với chủ nhà, đều phải thế nào. Vị Sa-môn, nhà hiền-triệt đối với đồ-đệ, đồ-đệ đối với các hạng ấy, đều phải thế nào. Phật đều qui định ra điều-mục rất là kỹ-càng tường-tế. *Luân-lý sáu phương* nói riêng về một kinh tức là kinh « *Thiện-sinh* » mà ban khảo-cứu chúng tôi đã dịch và hội Phật-giáo Trung-ương ấn-tống di các hội-viên trong hội, chắc nhiều người đã hiểu cả. Dưới đây, tôi chuyên giảng-giải về *Luân-lý Tứ-án* là chính đề của bài này.

Luân-lý Tứ-án do lời Phật nói ở trong bài kệ cũng ở cuối kinh « *Thiện-sinh* » ấy. *Luân-lý Tứ-án* này là chung cả mọi người xuất-gia và người tại-gia. Cho người ta được nhắc nhớ bốn ơn ấy luôn luôn, mà nhắc nhớ đến một cách thành-kính, Phật dạy mỗi buổi sáng phải đọc mà phát-nguyện một lần :

« *Chấp tay cung kính lạy,*

« *Phát nguyện đền bốn ân . . .* »

Người ta đối với một mối luân-thường mà mỗi sáng đều phải cung-kính phát-nguyện đề đền báo thì ân-cần, khần-thiết là dường nào. Song ở bài kệ Phật chỉ nhắc đến cái tông-danh của *Tứ-án* như thế mà thôi, còn *Tứ-án* là những gì,

thì lại chép ở các kinh sách khác. So sánh mà xem, thì có kinh « Tâm-địa-quán 心地觀 là chép giản-dị mà tinh-tế hơn cả. Kinh này nói *Tứ-ân* là những ơn :

Một là ơn cha mẹ

Hai là ơn chúng-sinh

Ba là ơn vua nước

Bốn là ơn Tam-bảo

Ơn cha mẹ là cái ơn sinh-thành dưỡng-dục ra ta, tức là một điều lớn nhất và bao-quát *luan-lý gia-tộc* vậy.

Ơn chúng-sinh là những ơn loài người, loài vật cùng quây-quần giúp đỡ cho ta, thế tức là *luan-lý xã-hội* và *luan lý đối với loài vật*, hợp làm một vậy.

Ơn vua nước, có sách nói rõ là ơn vua nước cai trị, thủy thổ cấp dụng, thế tức là ơn đất nước, là *luan-lý đối với Quốc-gia*, với *quê-hương xứ-xở* vậy.

Ơn Tam-bảo, Tam-bảo là Phật, Pháp và Tăng. Phật là Thập-phương Tạm-thế chư Phật trong vũ-trụ. pháp là những lời giáo huấn và giới luật chép ở các kinh sách. Tăng là các bậc tu trì đức nhưn đạo cao kể thừa Phật-pháp để giáo hóa cho ta, thế tức là *luan-lý đối với các bậc Thánh hiền* trong thế-giới, với thần-minh trong vũ-trụ vậy.

Coi đó thì đạo Phật đối với những mối *luan-lý* của đời người, thật là hoàn-toàn, không còn sót chỗ nào.

(Còn nữa)

Đ. N. T.

HƯƠNG-SƠN THUYỀN-PHÁ

Cái khí linh-tú của gòai đất hợp lại thành ra non ra núi. Mà những non núi kỳ sảo thiên-nhiên lại hay ở vào những nơi hang sâu lối hiểm, những người trước hết tìm thấy cái cảnh thiên-nhiên kỳ sảo ấy, cũng không phải là người thường, nếu không phải những người có cái căn khí tiên-phong đạo-cốt hay có cái tâm tinh mạo hiểm hiểm-kỳ, thời dù cho có gặp thấy chàng nữa cũng chớp mắt bỏ qua chứ ít

người đề ý. Những nơi ấy, đã hay rằng tạo-hóa an bài, song cũng phải có nhân-công tô điểm thêm vào thời mới thành được bức họa như hoa như gấm. Như động Hương-sơn đây trong 36 động ở nước Nam động này là hơn nhất, chắc rằng từ khi có giới đất, thời đã có động này, thế mà trải bao giâu bề, núi vẫn trơ trơ, đá còn sanh ngất, há rằng lại không có những người tiên-tử liệp-nhân săn muông, kiếm củi, hay những người đạo-sư Phật-tử hái thuốc du phương, qua lối thường thức hay sao? Mà mãi đến trong khoảng hơn 200 năm nay động này mới xuất hiện, hay là những nơi thiên-nhiên kỳ-sảo ấy tạo vật còn giấu kín, để dành cho bọn hậu-sinh chúng ta thưởng ngoạn chăng. Trong quyển Hương-sơn Thuyền phả chép rằng: đời Hậu-Lê niên hiệu Chính-hòa năm thứ bảy có cụ « Viên-quang Đạo-sư » không tưởng cụ què quán ở đâu, và thuộc về phái nào, song cụ tu-hành đắc đạo, đã được nhà vua ân ban độ điệp, một hôm cụ đi vân du, đến dãy núi Hương-sơn, cụ thấy non sanh nước biển, cỏ la hoa thơm, u-nhàn lịch-mịch, phong cảnh khá ưa, cụ bèn mưu với mấy người trong xã Yến-vỹ, dựng một cái thảo-am, đề ngời tụng kinh niệm Phật, đặt tên là chùa « Thiên-trù », rồi từ đó gặp ngày giới quang mây tạnh, cụ bèn dạo khắp các khe núi, để tìm cánh thiên-nhiên, lâu lâu quen đường, cụ đi mãi vào, mới tìm thấy một cửa động chắc rằng Phật Quan-âm chỗ lối hay bậc Bồ-tát đưa đường, mà cụ biết trước được một nơi hang sâu động cỡ, đệ nhất Nam-thiên; tiếc rằng sau cụ không có môn-đồ nối rỗi, nên khi cụ mất thời chùa lại vắng lặng tiêu điều, quỳnh-tịch trong khoảng hơn 20 năm; sau dân làng mới đón sư Tổ chùa Hòa-Khê về ở; mãi đến ông đệ-tử của Tổ Hòa-Khê hiệu là Thôn-g-lâm mới làm thêm được vài ngôi nhà lá, quay mô còn chắt phác, đường lối vẫn khó khăn, những ngày sóc vọng, chẳng qua mới có vài người thôn ầu hành-hương; sau kể cụ Thôn-g-lâm có ba ông đệ-tử, một ông hiệu là Tâm-trúc, một ông là Thanh-hữu và một ông là Thanh-quyết, ông Tâm-trúc sau về ở chùa Thịnh-châu, ông Thanh-hữu làm đương-gia, sau làm viện-chủ chùa Thiên-trù, khi ông quy Phật thời đến ông Thanh-quyết là em lên thay; ông Thanh-quyết là bậc tuấn-nhã, lại ngộ được diệu chỉ chân

như, các bậc thạc đức danh-nho thường tới lui đàm-thuyên kết-xã, các nhà tao-nhân mặc-khách, thường vãng lai lễ Phật hồi kinh, rồi một người truyền mười, mười người truyền trăm, trăm truyền muôn vạn, từ đây giờ đi, cứ về niên trong 3 tháng xuân, cảnh chùa Hương-sơn thành ra một nơi thắng hội, không chỗ chen chân; lại nhờ được cụ Vô-Hiền Tổng-đốc Hà-dông trông nom giúp đỡ nên ông Thanh-quyết sửa được nơi Tam-bảo nhà giảng đường, và hành-lang, lạng-xá, chùa Giải-oan, điện thờ Thánh-mẫu, sửa sang đường lối, sắp đặt quy mô chưa xong thời ông bị kẻ hung-dỗ nó giết chết; nay ở Tiên-đường chùa Thiên-trù còn có đôi câu đối khiến cho ta xem đây có thể biết được cái khí phách anh hùng của ông là thế nào?

Đôi câu đối như sau này :

I) Phạm-vũ sống tân quy, quyết chí trùng khai Tam-bảo địa,
梵宇廠新規。決志重開三寶地。

II) Lâu-đài y cựu chỉ, thanh quang biệt chiếm nhất Nam-thiên.
樓臺依舊址。清光別占一天。

Truyền lại cho cụ giám bây giờ là Thanh-tích đảm đang mọi việc; cụ Thanh-Tích tu sửa Phật-tượng các tòa và hoành-phí cầu đối; cụ lại sửa lại chùa Giải-oan và đền thờ đức Mẫu, hai giã nhà gác tam quan, nhà trai, thư viện, gác chống, lầu chuông, lầu hơn 70 mẫu tự điện, xây lại đường vào chùa trong, giải 70 trượng; tới nay đường xá dễ đi, chùa chiền sáng khái, ăn nằm sẵn chốn, lẽ bái có nơi, thật là một kẻ giồng cây, muốn người nhờ bóng; nếu không có Phật, Giới ủng hộ, Thần-thành giúp vi, thời làm sao ở chốn sơn-lâm cùng cốc thế kia, mà lại thành được một nơi danh lam thắng cảnh.

Vài nhời tóm tắt, xin cống hiến các người mến cảnh Hương-sơn.

Tỳ-khiêu ĐỒ-TRẦN-BẢO

Trong số 19 trang 8 hàng 18 chữ Diệu-hiền in lầm là Diệu-hiệu xin cải chính.

Thiện ác sơ manh, phúc họa gi lục

善惡初萌福禍已錄

Phàm người ta trong lòng định làm điều thiện, dầu rằng việc làm thiện chưa chu đáo, mà ở trong sổ phúc báo đã có tên; định làm điều bất thiện, dầu rằng ác ấy chưa rõ rệt ra, mà ở trong sổ họa báo đã có tên. Tức như đời nhà Đường có ông Quách-phần-Dương làm quan tại triều, đương lúc mùa đông, sương tuyết lạnh lùng, rạo cảnh bến Phần, gặp thấy một người chết rét, động lòng thương xót; liền nghĩ định tâu vua, xin xuất của nhà mua lụa, vải, chăn cấp cho những người nghèo khó không có áo quần. Hay đâu khi ấy Vô-độc-qui-vương vắng mệnh Thế-tôn tuần sát nhân-gian thiện ác, vừa qua tới đó; nghe thấy Quách-phần-Dương có lòng làm điều bố thí như vậy, về tâu cùng đức Thế-tôn. Đức Ma-ha-ca-Riếp tôn-giả ghi vào trong sổ thiện báo rằng: « 姑俟另擬。果是。全家富貴。Có sĩ lánh nghĩ, quả thị, toàn gia phú quý. » Nghĩa là hằng đợi sẽ hay, quả nhiên có lòng bố thí như vậy, thì cho cả nhà được hưởng sự giàu sang.

Lại như ở đời nhà Tống có người Tần-Cối đương làm Tề-tướng tại triều là người gian nịnh, ghét đáng trung lương, trong lòng định lập ra một ngục lớn, để giết hết cả trung lương trong nước. Gặp lúc mùa đông tuyết lạnh, hai vợ chồng ngồi bên lò sưởi cửa sổ phía đông, bàn với nhau định làm việc ấy, có viết vào trong gio rằng: « bắt cọp thì dễ dā dành, tha ra khó lắm thì dành phải lo; chỉ bằng lập một ngục to, trung lương giết hết còn lo nỗi gì ! » Nào ngờ khi ấy đức Ma-ha-ca-Riếp tôn-giả vừa qua cửa sổ, thấy được sự như vậy, liền hiện làm một người sư có bệnh phong vào chèo Tần-Cối và làm cho sự ấy bực-lộ ai ai cũng biết; rồi về núi phương đông hội chư Bồ-tát mà làm án Tần-Cối rằng? « 究之。炤從冤報。殺岳飛無罪。現下心圖大惡。苟不先刑。害人無數。Cứu chỉ, chiêu tòng oan báo, sát Nhạc-Phi vô tội; hiện hạ tâm đồ đại ác, cầu bắt tiên hình, hại nhân vô số. » Nghĩa là xét ra

theo luật oan báo, giết Nhạc-Phi không tội ; hiện nay lập tâm làm điều đại ác, để giết cả trung lương một nước, nếu không làm tội trước, thì hại người ta nhiều lắm !

Xem như thế có phải là người ta mới định làm điều thiện, mà đã có thiện báo ; mới định làm điều ác, mà đã có ác báo không ?

PHẠM-XUÂN-HÒA

Giám-viện Tây-am Bắc-ninh

CỎ CÂY CÔNG NGHIỆP BÁO

Trong lị (Sa-di uy-rghi luật) có thuật một chuyện rằng : Một hôm đức Bồ-tát Mục-liên đi chơi bề vởi vị Phúc-tăng tỷ-khâu, chợt đến quãng bờ bể kia, nghe thấy những tiếng rào rào hồ như mưa xẻ gió cưa, càng gần gần thì cái vọng thanh càng kêu ghê gớm. Như bác trông lên, thì tội nghiệp thay ! có một cây như cây (Sála) cổ thụ to lớn vô chừng đang bị đồng nghiệp trùng ray nghiền, toàn thân cây nước nhựa đầm đìa chẳng chỗ nào không. Nỡo rùng sao ! cõi lòng người ai mẫn, vị Phúc-tăng bực đức Mục-liên rằng : loài cây cối phải chăng cũng bị nghiệp báo ? Bồ-tát đáp : Phải, nhân vật cùng chung quả báo. Cây này hồi kiếp trước cũng là một kẻ tỷ-khâu, tính ham mưu lợi, cửa Thuồng-tru rong thân, chỉ nững ăn tàn phá hại biết bao quả hoa cây cối của đời, thì kiếp này y phải chịu luân-hồi đọa làm thân cây, bị đồng nghiệp trùng cắn rất, tức là (tiếp-thu địa-ngục) vậy.

THIỆN-BẢO Hải-phòng

THƠ MỪNG ĐUỐC TUỆ

Sáng choang Đuốc-tuệ bốn phương giới,

Quét sạch sương mù khắp mọi nơi,

Lấp lối u-minh vùng hắc-ám.

Tỏ đường cực lạc bước thanh-thời.

Luận, kinh giảng giải trăm nghìn quyển,

Họa, phúc khuyên răn đủ mọi nơi,

Nhấn nhủ ai người chưa biết Phật,

Lòng ta tức Phật tỏ mười mười.

Sa-môn THÁI-HÒA

PHẬT-GIÁO Ở ẬU-CHÂU

Người xúng bái đạo Phật nhất trong nước Đức là bà Lý-Mã-thái phu-nhân (Liemattysen). Vốn là một nhà thông-tin viên cho các báo và các Tạp-chí ở Đức, lần thứ ba bà sang du-lịch nước Nhật-bản, ngụ ở nhà Khách-sạn Đông-kinh, viết một cuốn Phật-giáo tiểu-thuyết. Bà hâm mộ đạo Phật đã lâu ; trước khi qua Nhật-bản, bà đã ghé qua Triều-tiên thăm các nơi danh-lam cổ-sát tất cả 29 nơi, đến đâu bà cũng lễ Phật tụng kinh và gia công khảo-cứu. Bà tuy chưa phải là Tỷ-khưu ni chính thức, song bà cũng đã thụ-giới và vận Cà-sa, bao nhiêu khóa lễ khóa niệm của các sư Triều-tiên là bà nhập tâm cả. Bà có cái thiên-tính chỉ thích những nơi chùa cảnh, hằng ngày đối với ai bà cũng khen ngợi chùa cảnh luôn mồm. Cách đây mười năm về trước bà trông thấy ở một hiệu buôn nước Đức người ta bán một pho tượng Phật, bà nhìn kỹ pho tượng ấy thấy lộ ra thuần những vẻ từ-bi hoan-hỷ mà lại hàm cả cái đức Ứnh-tri-tuệ quang-minh, do thế mà bà sinh ra cái cảm-tưởng xúng mộ Phật-giáo, rồi định sang Đông-kinh để khảo-cứu, ngặt vì hồi ấy bà còn bận sự gia-đình chưa hay như nguyện, hề được có thời giờ nhàn rỗi thời bà tìm vào các nơi thư-tiện để xem sách, và đi dự các hội diễn giảng nữa, vì cái cơ duyên ấy mà bà đã được một lần cùng chồng đi chu-du khắp thế-giới. Sau chồng và con bà đều chết cả, bấy giờ bà thật là rộng rãi, chỉ ngày đêm chuyên chú về Phật-giáo. Năm 1927 bà sang Đông-kinh, cùng với một bà vợ vị sư Nhật-bản tên là Sinh-mộc làm bạn để tập học kinh-giáo. Lần ấy bà ở Nhật-bản một năm mà chưa từng đi xem kinh-đồ nước Nhật. Như thế đủ biết cái lòng chính-tin chăm chỉ của bà. Năm 1933, bà lại sang Nhật để học thêm kinh sách, lần này được một vị Hòa-thượng Nhật ở chùa Đông-địa nhận làm đồ-đệ. Bà thường nói rằng: Phật-giáo đã giúp cho nước Nhật đầy đủ cái tinh-thần nhĩn-nại, lại chóng bỏ được đường vật-chất, mà chuyên chú về mặt tinh-thần, ai đến nước Nhật cũng được mục kích vô-lượng cảnh ngoạn-lạc đều nhờ ở Phật-giáo mà gây nên. Bà dốc tin Phật-giáo về môn Đại-thặng, Bà lại tin chắc rằng hiện nay ở Âu-châu

cần phải truyền bá Phật-giáo, nên bà cố khuyên người Nhật mang Phật-giáo sang Tây-phương, (Ấu châu) đồng thời lại cần có nhiều người Tây-phương chú ý Phật-giáo, sang Nhật-bản nghiên-cứu. Bà định tâm cố vận-động cho tất cả hoàn-cầu này thành một thế-giới Phật-giáo. Bà thường nói rằng : Phật-giáo không phải chỉ vì người Đông-phương mà đặt đản, những triết-lý của Phật-giáo chính là sự cần yếu cho hết thảy mọi người phương tây, nếu ai đã biết để tâm mà nghiên-cứu thời đều nhớ đó mà có được cái đức lực to lớn vô cùng; có người nhớ ở kinh điển Phật-giáo mà phát minh thêm về phương diện khoa-học; có người nhớ đó mà mưu cầu được sự hòa-bình; ngày nay chính là cái thời-cơ đã đến, người Nhật cần nên phải đem Đại-thặng Phật-giáo sang phương Tây mà truyền bá, người phương Tây cũng cần phải sang phương Đông mà thu góp lấy tinh thần Phật-giáo. Môn Đại-thặng Phật-giáo ở Đông-phương, chính là một tác-phẩm văn-minh thượng đê cống-biến cho mọi người phương Tây vậy. Ở các nước phương Tây mà nước nào chưa biết đến Phật-giáo là nước ấy chưa phải văn-minh. Cuốn tiểu-thuyết của bà nói dung miêu tả những lý-thuyết Phật-giáo mà có ảnh-hưởng đến sự sinh-hoạt của gia-đình, người Đức hoan nghinh lắm.

Bà thực là một vị công-thần truyền bá Phật-giáo ở đời mặt pháp này vậy.

Sa-môn THÁI-HÒA

Dịch ở trong Tạp-chi Hải-trào-âm (Tân)

Khuyên Thiện-Tín tứ-dân

*Đã sinh ra đạo làm người,
 Cương-thường trọn vẹn Phật Giới chứng-tri.
 Nay đã hồi-hướng quy-y,
 Ngồi thiền sám-hối mà suy đạo mầu.
 Đi-dã sớm niệm tối cầu,
 Bao nhiêu nghiệp-chướng sạch lâu như không.
 Sông mê bề khổ thoát vòng,
 Kia nơi cực-lạc còn mong đến gần.
 Ngoài ra khuyên việc tứ-dân,
 Việc chi thì cũng phải cần mới nên.*

Sì-nho vùng vẫy bút nghiên,
Sỏi kinh nấu sử hằng chuyên nghiệp mình.
Mười năm trướng tuyết mãn huỳnh,
Quyển vàng càng tỏ, đèn xanh không nhòa,
Bảng rỗng ai chiếm khôi-khoa,
Cúng từ hàn-khở mới ra hiên-lài.
Nông-gia cần-kiếm hôm mai,
Ruộng vườn gọn ghẽ, dâu gai tỏ lừng.
Cây mây cước nguyệt bừa sương,
Đền giảng quạt gió việc thường quản đầu.
Đủ no đủ ấm đủ cầu,
Có nhờ nông-nghiệp đứng đầu từ-dân.
Làm công-nghệ phải chuyên cần,
Chạm rồng thêu phượng mười phân tinh lừng.
Khoe klòn đua khéo trăm đường,
Gom tài góp sức chỉ nhường người ta.
Cổ-thương cốt giữ thực thà,
Mua vào một vốn bán ra mười lời.
Sông Ngô bề Sở mọi nơi,
Lên rừng tìm báu, xuống khơi mò tiền.
Bán, buôn nghề ấy chẳng hèn,
Nào ai thích cánh mà chen cùng người.
Rời ra ơn Phật nhờ Giờ,
Cảnh như cảnh bụi, nước thời nước tiên.
Đất bùn này đóa hoa sen.

Trương-tín tự: KIM-THIÊN-TỬ

Văn-dé tín-nguỡng

BÀI DIỄN-THUYẾT CỦA ÔNG NGUYỄN-HUY-XƯƠNG

Bổ-chánh Kiển-an, đọc tại chùa Hàng-kênh (huyện Hải-an)

Tôi vốn biết các Ngài đã đến trước Phật-đài tất sẵn lòng dung thứ những sự sai-nhầm, nên chỉ tôi giám đem trình bày một vấn-đề rất quan-hệ cho con người ta, mà vấn-đề ấy, chính tôi cũng chưa đủ tài-lực, suy-nghĩ cho thấu triệt được.

Tuy nhiên tôi cũng đem ra bàn đây, là cốt mong các Ngài bỏ chính cho những chỗ khuyết-diễm, được vậy tôi xin vạ cảm,

Tôi muốn nói về sự « Tin-ngưỡng », lòng « Tin-ngưỡng » phải làm như thế nào cho hợp với lệ tiến-hóa trong vũ-trụ và hợp với nguyên-lý của đời người ?

Chữ Tin (信) là tin, là cho sự-lý gì-làm phải, làm đích đáng, rồi một mực tin theo ; chữ Ngưỡng (仰) là ngửa trông, là mong đợi.

Hai chữ « Tin-ngưỡng » (信仰), là lòng tin theo một đạo-giáo nào mà tin theo để mong đợi được kết-quả rất hay ; như chúng ta ở trong nhà Phật, thì là chúng ta tín-ngưỡng đạo Phật.

Trong sự tín-ngưỡng, ta có thể chia ra nhiều bậc :

Những người gọi là thượng-trí, tức là hạng người học thức rất quảng-bác, uyên-thâm, lại sẵn có trí sáng rực, thì tín-ngưỡng một cách ; đến hạng người trung-trung là hạng người có học-hành thông thái, có trí sáng suốt, thì lại tín-ngưỡng một cách ; đến bậc hạ-trí là hạng người trí-thức tầm-thường, như phần nhiều người trong chúng ta và bậc độn-căn, là hạng người ít học-thức, không có trí sáng suốt, thì lòng tín-ngưỡng lại một cách khác.

Ta không thể suy xét lòng « tín-ngưỡng » của mỗi một hạng người như thế nào cho đích xác ; ta chỉ biết đại-cương rằng : những bậc thượng-trí thì tôn-tín tôn-giáo, mà thường không chuyên tín-ngưỡng một tôn-giáo này bởi học-thức cao rộng, chỉ chú-ý đến những đạo-lý hay của các tôn-giáo, chứ không coi đến những chi-tiết nhỏ hẹp, nó phân biệt tôn-giáo nọ với tôn-giáo kia. Thí dụ : như người trèo lên đỉnh núi cao chót vót, thì chỉ trông thấy những phong-cảnh bao-la ở trước mặt, chứ không nhìn đến những bờ cõi là giới hạn cho khu nọ, vực kia.

Bậc trung-trí thì tín-ngưỡng so với hạng thượng-trí cũng tương tự nhau, nghĩa là cũng dung-nạp cả các tôn-giáo nào có đạo-lý chính-đáng, duy bậc này còn chuyên chú tín-ngưỡng một tôn-giáo làm gốc. Như vào hạng thượng-trí trung-trí thì lòng tín-ngưỡng ta gọi là kiến-tín (kiến là

thấy) nghĩa là bậc này đã hiểu thấu những lẽ hay của đạo-giáo mà từ theo; trong sự tin theo còn có căn nhắc suy xét cho thấy lẽ đích đáng mới theo, vì thế gọi là kiến-tin.

Đến hạng hạ-trí và độn-căn, thì không đủ trí-thức để hiểu đạo-lý của tôn-giáo mình mà suy xét các đạo-giáo ngoài, cho nên đã theo đạo-giáo nào, chỉ chuyên chú có một tôn-giáo ấy mà thôi, vì thế hạng này chỉ có lòng tin-nguỡng, chứ không có kiến-tin như các bậc trên ?

Có lòng tin-nguỡng mà không hiểu được đạo-lý thì dễ sinh ra mê-tin, vì rằng trong lòng đã hồ-đồ không hiểu nghĩa-lý được đích xác, không biết được rõ ràng thế nào là chính là tà, thì dễ sai nhầm; cho nên bậc hạ-trí, độn-căn cần phải theo y như kinh sách giấy bảo mà ăn ở, cư-sử, mới giữ được tin-nguỡng cho chính đáng, không thì thành ra mê-tin.

Sau cùng lại còn có những người vì lòng tin-nguỡng chấp-nhất quá, tưởng rằng chỉ có tin-nguỡng của mình là chính-đáng, còn những người không tin-nguỡng như mình là sai-lạc cả, vì thế sinh ra lòng khinh-bĩ, kích bác. Những hạng này là hạng si-suẩn, không đáng làm tin-đủ tôn-giáo nào cả.

Nhưng mà ta thường thấy bậc đại-hiền với bậc chi-ngu không khác nhau cho lắm, mà cái khôn cái dại ở đời cũng chỉ xa nhau một sợi tơ tóc, 1 hư vậy thì lòng tin-nguỡng của ta, nên thế nào cho được chính-đáng ?

Trước hết thử xin xét xem con người ta có cần phải có lòng tin-nguỡng hay không ? Về vấn-đề này các nhà học-vấn tranh-biện cũng nhiều; nói rằng người ta cần phải có lòng tin-nguỡng cũng được; mà nói rằng người ta không cần phải có lòng tin-nguỡng cũng được, nghĩa là tùy hạng người, tùy cái học-thức từng người, tùy cái bản-tính từng người; nhưng cứ xem trong thiên-hạ thì hồ-hết loài người đều có tin-nguỡng cả; không theo đạo nọ thì theo đạo kia, hoặc đạo Phật, đạo Khổng, đạo Lão, đạo Jésus, đạo Hồi-hồi, đều là tôn-giáo cả. Số người không theo đạo nào và số người mà ta thường gọi là vô-thiên, vô-địa ấy thì thật ít lắm; cứ như thế thì ta có thể nói rằng: loài người cần phải có tin-nguỡng. Điều này tôi thiết tưởng có nhiều

lẽ, mà có một lẽ thiên cậu mà minh bạch nhất là trong những lúc người ta gặp phải tai-rạn, phải cơn nguy-biến, cuộc binh-hỏa, hoặc phải cảnh sâu-khổ, xót-xa, thì không còn có cái gì khuyên giải người ta, an ủi người ta bằng lòng tin-nguỡng. Vậy thì trong một đời người, ai là không phải những cơn ly-biệt, sâu-khổ, không gặp những cảnh thủa thiệt đắng-cay, không có những sự lo-sợ khốn-tám ? Ấy hỏi thế cho rên tự đời thượng-cổ, có loài người là có lòng tin-nguỡng, mà bất cứ hạng người nào, phải cảnh ngộ đau khổ, sợ-hãi, là tự nhiên nương ngay vào lòng tin-nguỡng để tự-giải, tự-khuyến; thừa xira, trong xã-hội, phong tục được rất thuần-mỹ, cũng nhờ về lòng tin-nguỡng rất nhiều, vì rằng pháp-luật, luân-lý và triết-học không có môn nào khuyến miến con người chăm chỉ làm điều lành, lo xửa mình bằng lòng tin-nguỡng. Sự tin-nguỡng có quan-hệ đến loài người như thế, vậy thì lòng tin-nguỡng của ta phải như thế nào ? nên như thế nào ? Muốn biết được lòng tin-nguỡng phải nên như thế nào, thì phải xét kỹ xem, con người ta sinh ra ở đời để làm gì, tại làm sao ta lại sinh ra ở đời ?, nghĩa là phải xét đến nguyên-lý của đời người ra làm sao ?

Muốn hiểu cái nguyên-lý của đời người thì lại phải xét qua cái lẽ tiến-hóa công-cộng trong vũ-trụ.

Trong kinh Phật nói rằng : « Vô vật bất di, vô thời bất biến », nghĩa là muôn vạn vật mà ta trông thấy đều cứ xoay vần, thay đổi luôn luôn, không đình chỉ giây phút nào. Chúng ta ngồi đây, nhà cửa đường kia, tường ta yên một chỗ, mà thực ra thì đương cùng quả đất xoay tít trong vũ-trụ, vòng quanh mặt trời. Các tinh-tú ta trông thấy trên thăm thăm kia, cũng xoay vần đi luôn luôn, không nghỉ phút nào, không đóng yên chỗ nào cả; mà các ngôi tinh-tú ấy cũng theo lệ « Thành, trụ, biến, hoại, » mà sinh sinh hóa hóa đi luôn luôn, nghĩa là những tinh-tú ấy cũng bởi cái chất ngưng tụ lại thành ra có hình, có hình ấy là trụ, trụ rồi lại biến đổi dần dần, luôn luôn cho đến hoại tan ra, hoại tan rồi lại ngưng tụ lại, lại biến, cứ thế mãi không thôi. Các nhà Thiên-vấn học Vật-lý học ngày nay đã khảo nghiệm được các lẽ ấy đích xác không sai, mà cũng nói

rằng trong vũ-trụ không có phút nào là không có những ngôi sao mới thành ra, hoặc lại không có những ngôi mới hoại đi. Các nhà triết-học ngày nay công nhận rằng sở dĩ vạn vật cứ di-dịch luôn luôn, biến thiên và thành-hoại luôn luôn như vậy, là bởi lẽ muôn vật chưa được viên-mãn, chưa được cực điểm hoàn hảo (Perfection), cho nên phải di-dịch biến thiên luôn như thế, bao giờ đến được cực-điểm hoàn hảo mới thôi. Sự di-dịch, thành, hoại ấy là cái tang-chứng của lẽ tiến-hóa trong vũ-trụ (la loi de l'évolution). Quả địa-cầu ta thì xưa kia cũng là một khối lửa to lớn và cùng vô cực, và không thể tưởng tượng hết được; khối lửa ấy nguôi dần dần, các chất kim thạch cũng ngưng lại dần dần, lâu lâu mới phân ra chỗ cao chỗ thấp, ra núi, ra sông, ra đồng bằng, ra mặt bể. Từ thửa HỒNG-hoang ấy cho đến khi có loài người, thì cũng kể hàng nghìn vạn năm; trong khoảng mấy nghìn vạn năm ấy, biết bao nhiêu tai biến, chuyển động trên mặt đất, chỗ thì đang đáy bể, vực sâu, phút chốc tung lên thành non cao, núi lớn; hoặc đương non cao, núi lớn biến thành bề khơi.

Những sự biến thiên ấy, cũng là bởi lẽ tiến-hóa nhất-định của tạo-vật, mà có những sự biến thiên vừa bởi Tạo-hóa, vừa bởi nhân-lực, luôn luôn trong hàng nghìn vạn năm như thế, thì ngày nay mới có chỗ cây cối, chăn nuôi, mới có loài người, mới có những cảnh phồn hoa đô-hội.

Ấy lẽ tiến-hóa đã hiển-hiện ra trong thiên-địa như thế, thì con người sinh ra trong vũ-trụ có phải là cũng bởi lẽ tiến-hóa ấy hay không?

Nếu người ta sinh ra ở đời không phải là để cốt tu-luyện tâm-tính cho tiến-hóa, dần dần lên bậc chí-thiện, chí-đức, cũng như vạn-vật phải biến-thiên, di dịch cho đến cực-điểm hoàn hảo, nếu không thế thì đời người còn có nghĩa lý gì đáng đáng nữa, hay không? và cuộc đời có lấy gì làm hứng thú hay không?

Có phải ta sinh ra đời là cốt để ăn uống cho thỏa-thích, hay là để chơi cho sướng thân thể, hay là để tranh nhau những cái hào huyền, miếng thịt, miếng sò, góc chiếu trên, góc chiếu dưới, để đánh giết lẫn nhau hay sao?

- Nói rằng đức Thượng-đế sinh ra loài người để chịu ơn

Ngài và đề kính bái ngài, thì tôi thiết tưởng cũng dưới nghĩa lắm. Vì rằng tôi không hiểu làm sao đức Thượng-đế vô cố lại bày ra việc mua ơn như vậy. Và có lẽ nào đức Thượng-đế lại cũng như người thường, nuôi dân chim hàng ngày nghe bót hay sao? Thế mà bảo rằng chúng ta đều là người trên Thiên-dinh phạm tội lỗi nên phải đọa xuống trần-gian, thì tôi xin hỏi rằng: Đức Thượng-đế là bậc rất uy-linh, sao lại có đề chỗ Thiên-dinh hàng ngày có nghìn vạn người phạm tội lỗi như thế? vì dưới trần-gian ngày nào chẳng có nghìn vạn người đê. Vậy thì ta nên cho đời người là cái gì, nên hiểu cuộc đời ra làm sao?

Cứ cái hiện tượng bề ngoài thì ta thấy đời người chỉ quanh quẩn bó buộc trong bốn chữ « Sinh, khổ, bệnh, tử » (1)

Bốn chữ « Sinh, khổ, bệnh, tử » ấy chẳng khác gì bốn cây cột cái nhà ngục thất, nó giam cầm đời người vào trong. Thực vậy xin thử xem con người ta ở đời chỉ lao lung vào những sự mưu-sinh: kẻ đã giàu có, lo tích được thêm vàng bạc, lo ăn chơi cho đến ốm đau, lại lo chữa; được khỏe mạnh, lại ăn chơi, lại ốm, lại chữa; kẻ sung-túc vừa đủ ăn làm thì lo trở nên giàu có, làm dẫu tắt mắt tối, đề cho có dư dật; kẻ có dư dật, lại dờ dại, ngông-cuồng; kẻ lao động thì lo tìm công việc làm, lo bữa này sang bữa khác, lo may, lo mặc; đến kẻ cố cùng thì lo đủ nghìn đường.

Những một việc mưu-sinh mà đã đủ đường khổ, lại còn khổ về đường thua hơi nhau, kém nhau một tí danh-giá không đâu, khổ về bệnh tật, đời người thắm thoát chưa hết khổ, mà đã kết liễu cuộc trăm năm rỗng tuếch dưới năm cỏ xanh, hay trong một tòa sinh-phản lộng lẫy.

Ấy đời người thì thế, đến cuộc đời thì sao?

Một nhà văn-sĩ nước ta, có vịnh cuộc đời bằng mấy câu sau này:

• Cuộc đời xem tựa chiêm bao

« Công-hầu khanh-tướng, sơn sao trong vòng

« Tranh nhau vì chút hơi đồng (2)

« Giết nhau vì miếng đỉnh chung cửa giới ».

(1) Đời chữ lão làm chữ khổ, vì ngày rày số người chưa kịp già mà đã chết cũng nhiều lắm, còn cái khổ thì chưa chán, đầy rẫy.

(2) Đồng là loại kim khi để đúc tiền bạc, tức là tiền bạc.

Mấy câu văn rất chải chuốt ấy có ngậm một cái ý than tiếc vô cùng, bởi vì trông bề ngoài thì cuộc đời không lấy gì làm quý hóa cả, lắm nỗi chán ngán thay ! Người phương tây bảo cuộc đời như tấn hài-kịch, thê-thảm cũng có, vui cười cũng có, khởi diễn từ khi có loài người trên mặt đất, mà chưa biết bao giờ đã thôi. Người minh cũng nói cuộc đời như trò rối.

Vậy cái trò rối ấy có nghĩa gì không, mà chúng ta ức triệu người cùng phải đóng mỗi người một vai trò.

Theo lý-thuyết luân-hồi của đạo Phật, thì con người ta phải sinh sinh tử tử, mà ta bắt đầu phải sống sống chết chết như thế từ đời thừa nào cũng không biết được (tổng vô thủy lai) ; như chúng ta đây thì trước không biết đã sống bao nhiêu kiếp, sống rồi chết, chết rồi lại hiện lên, hoặc ở cõi đời này, hoặc ở thế-giới khác ; cứ thế luôn luôn, hết đời này đến đời kia, mãi mãi cho đến khi lên được bậc chỉ đạo là Phật. Như các tinh-tú trong bầu giới phải xoay vần mãi mãi, luôn luôn cho đến khi được cực-diêm (attaindre la perfection), vì rằng trong mỗi một kiếp như thế, ta làm được bao nhiêu điều thiện, phạm bao nhiêu điều bất-thiện, tâm ta ghi tích hết, không sót sự gì, để đến kiếp sau báo cho ta : thiện giả báo thiện, ác giả báo ác ; mỗi lần kiếp ta lại thêm lịch-duyet ra, thêm tỉnh ngộ ra, cứ lần lần hết kiếp này sang kiếp khác, mỗi kiếp tinh-tiến thêm một ít, dần dần đến bậc chỉ đạo là Phật mới thôi. Khi trước, đức Phật Thế-tôn, thụ thân là vua Trần-đồ, nói ông thì một vài kiếp nữa thành Phật, ông thì năm mươi kiếp, ông thì hai ba trăm kiếp, ông thì những nghìn vạn kiếp, cũng là tùy công quả tu-hành tinh tiến của từng người.

Như vậy ta sinh ra đời nếu chẳng phải bởi lẽ để tu-luyện tâm trí cho tinh-thần được tăng-tiến dần dần, thì là bởi lẽ gì được, mà chính cuộc đời chẳng phải là một cuộc tiến-hóa hay sao ?

Ta thấy trong đời sự thắng bại cũng chỉ là bởi lẽ có tiến-hóa hay không tiến-hóa, hoặc về vật chất, hoặc về tinh-thần ; nước nào tiến-hóa thì được về vàng oanh-liệt ; nước nào không tiến-hóa thì suy-nhược, hèn kém như thế nào, tưởng không cần kể nữa.

Nay ta đã biết cuộc đời là nơi để con người tiến-hóa, cũng như chỗ trường học là nơi để trẻ con được mở mang trí-thức, mà ta sợ dĩ sinh ra đời là bởi lẽ tiến-hóa nhất-định trong vũ-trụ, cũng như trẻ con vào nhà trường, là bởi lẽ phải mở mang trí-khôn. Vậy thì lòng tin-ngưỡng của ta phải như thế nào, nên như thế nào cho hợp với lẽ tiến-hóa của vạn vật.

Xưa các bậc Đại-thành, Đại-hiền lập ra đạo-giáo là cốt để chữa cái thời-bệnh cho nhân-loại; nhưng thời thế biến-thiên, lòng người cũng di-dịch, như vậy thì các tôn-giáo lập ra đã mấy nghìn năm, ngày nay còn có đủ tính-chất cho ta tin-ngưỡng hay không?

Tôi thiết tưởng rằng các tôn-giáo đối với thời nay, thì cũng có phương-diện đủ, cũng có phương-diện khiếm-khuyết: vì rằng thời-bệnh mỗi khi một khác, trí-thức người bây giờ lãng-tiến hơn xưa, thì tư-tưởng cũng thay đổi đi; nhiều kỹ-thuyết xưa cho là phải, nay ít người theo; có nhiều sự kỳ-dị trong tôn-giáo, người xưa đức lòng tin tưởng, mà nay ta thì bán tín bán nghi, cũng có khi không đủ căn cứ, lại cho là hoang đường nữa. Tuy nhiên trong các tôn-giáo có khác nhau về hình thức đôi chút, nhưng về những chỗ cốt yếu thì vẫn tương tự nhau, là các tôn-giáo cùng chung một mục-đích, muốn diu dắt người lên con đường chí thiện, chí đức.

Cứ như thế, thì trong trăm nghìn năm nữa các tôn-giáo vẫn còn đủ đạo-lý cho loài người noi theo, để tu tâm, luyện tính, tức là để tiến-hóa về tinh-thần.

Cuộc đời là nơi để ta tiến-hóa, mà ta sinh ra đời là bởi lẽ tiến-hóa nhất-định trong vũ-trụ, vậy thì lòng tin-ngưỡng của ta cũng phải theo lẽ tiến-hóa ấy mới hợp với thời-cuộc và mới hợp với chân-lý của đời người: trong sự tin-ngưỡng ta chớ quên rằng, sở-dĩ ta nương vào tôn-giáo là để đi tới những mục-đích rất quý, như tu-luyện tâm tính cho tư-cách ta một ngày một thêm hay và như phải chịu các nỗi khó khăn để giúp cuộc tiến-hóa của xã-hội, cuộc tiến-hóa của quốc-gia một ngày một thêm mỹ-mãn. Các tôn-giáo đều có những mục-đích cao-thượng ấy mà cũng chỉ vì theo đuổi những mục-đích cao-thượng cho nên ta có lòng tin-ngưỡng; nếu lại không biết lấy những sự tu-luyện

âm-tính làm cốt yếu, không lấy sự mưu việc, tiến-hóa công cộng cho xã-hội, cho quốc-gia làm đầu, thì lòng tin-nguỡng của ta lấy gì làm chính-đáng được.

Nếu ta đem lòng tin-nguỡng tôn-giáo để mong được những sự ích-lợi riêng, như cầu danh, cầu lợi, cầu của, cầu con, mà không tu-luyện tâm-tính, không lo sự ích-lợi cho nhân-quần, thì lòng tin-nguỡng sao cho khỏi sai lầm.

Ấy tin-nguỡng với mê-tín, chỉ khác nhau ở chỗ mục-dịch ta theo đuổi là cao-thượng hay thấp hẹ mà thôi. Cho nên bề ta biết chọn những mục-dịch, « tu-luyện tâm-tính, lợi-ích nhân-quần » thì lòng tin-nguỡng là cái sức mạnh vô-dịch cho ta tiến-tiến, vì rằng có gặp những sự khó-khĩn, ta nhờ lòng tin-nguỡng mà kiên-tâm kiên-chí, như vậy sự tin-nguỡng không ngăn trở gì cho sự tiến-hóa, mà chính là nhân-cơ cho sự tiến-hóa được nhanh chóng vậy.

Chỉ vì theo đuổi những mục-dịch thấp hẹ, cầu danh, cầu của, cầu lợi, thì thành ra mê-tín, mê-tín không lợi cho ai, lại còn làm hại cho cuộc tiến-tiến của xã-hội. Vậy ta phải hết sự mê-tín, để biết đường tu-luyện tâm-tính cho người ta, làm

Có tin-nguỡng chính-oàng thì mới có cái tư-cách người chính-đáng. Chúng ta đều thân-hệ bang-gia cả, nghĩa là bất cứ quan hay dân, giàu hay nghèo, làm thợ, hay đi buôn, những cách cư-sử hàng ngày, công việc làm hàng ngày, đều có ảnh-hưởng đến cuộc tiến-hóa chung, như vậy chúng ta há lại nên sa-lạc vào đường mê-tín, không cố sức tu-luyện tâm-tính để lòng tin-nguỡng được chính-đáng hay sao?

Trong đời ta có tích được vàng bạc, châu báu, có gặp chồng loan vợ phượng, có được phong vương, phong hầu, đăng đàn bá tước, kết-cục trăm năm cũng buông sạch trên đời, thế mà nếu ta tu-luyện được tâm-tính, mở mang được trí-thức, làm được công đức cho người, ấy đấy mới thực là của riêng của ta, của đem đi, của giắt lưng ở kiếp này sang kiếp khác. Vậy tranh nhau làm chi một chút hơi đồng, giết nhau làm chi vì miếng đỉnh chung trên đời?

Ai ơi : ta phải luyện lấy tâm.

Nam-mô A-di-dà Phật

NHÂN-QUẢ TIÊU-THUYẾT

因果小說

(Phượng-sơn Nguyễn-thiện-Chinh soạn)

(Tiếp theo)

Còn nhiều chuyện nhân-quả báo ứng nữa không kể sao cho xiết. Xem thế thì biết cái nghiệp báo không thể nào tránh khỏi được.

Chớ lầm tưởng rằng: « Nhân sinh thọ kỷ hà » (人生壽幾何) nghĩa là người sống được bao nhiêu. Cho dù sống 100 tuổi, ba vạn sáu nghìn ngày là mấy, chả ăn cũng thiệt, chả chơi cũng già, rượu, sắc, phiện, bạc, chơi được ngày nào lợi ngày ấy, tội gì mà giữ gìn.

Không phải thế đâu, mỗi một kiếp, chỉ là một cái thời-gian, hoặc dài hoặc ngắn của đại kiếp mà thôi. Nếu chưa tu hành đắc đạo, chưa tới cõi Nát-bàn, thì còn luân-hồi chuyển kiếp mãi mãi: kiếp này làm lành thì kiếp sau được thăng, kiếp này làm ác thì kiếp sau bị giáng. Cứ luân-hồi chuyển kiếp như bánh xe quay tròn, không phút nào dừng lại cả. Vì thế cho nên, hễ làm lành thêm được một điều nào là hồi-bổ cho cái thiện-nghiệp của mình điều nấy, mà học hỏi thêm được một điều nào là bổ ích cho cái tu-đạo của mình điều nấy; chớ bảo già rồi chả tội gì mà học hành cho uổng công và cũng chả tội gì mà giữ gìn, làm lành cho vô ích.

Đã đành rằng trần gian là khổ hải: sinh là khổ, già là khổ, ốm, chết là khổ, ly biệt là khổ, thất bại là khổ. Họp nước mắt chúng-sinh nhiều hơn bốn bể, dù sung-sướng đến đâu nhưng cộng những cái thì giờ sung-sướng lại, cũng chỉ được và bốn ngày là cùng, nhưng muốn trừ cái căn sự phiền não, thì không gì bằng giữ đạo lành.

Phàm những việc mà có tính cách ích quốc lợi dân, (益國利民) khai ngộ chuyển ngộ (開迷轉悟) như lập trường học, mở nhà trường, lập hội-đồng cứu-tế vân vân, hễ có

ích cho nhân-quần xã-hội (人羣社會) đều kể là việc từ thiện cả

Phàm thấy người giàu sang đến đâu mặc lòng, không nên ghen ghét, muốn kiếp sau được thế, thì phải làm lành, làm phúc, là cái bậc thang lên chốn phú quý ấy vậy.

Thế-gian sở dĩ làm người hiền uão, chỉ vì trông lên, chứ không trông xuống, có chữ : « Tỷ thượng bất túc, tỷ hạ hữu dư nghĩa là trông lên thì chẳng bằng ai, trông xuống thì thừa mấy ai bằng mình, nếu biết tùy ngộ nhi an (隨遇而安), dù có chuân-bĩ屯否 cũng cho là cái định-ngiệp, thuận-thiên an-mệnh (順天安命 = thuận giới yên mệnh), có khi nào mà có sự phiền não; mà nhiên nào có ích gì: bồng đưng mua não chấp sâu vào thân.

Phải học đạo thánh hiền : Như ông Thánh-Thang, khắc vào cái chậu tắm rằng : « Cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân = 苟日新, 日日新, 又日新 » nghĩa là thực ngày mới, ngày ngày mới, lại ngày mới, thế là tu tiến cái nhân cách mình cho mỗi ngày mỗi mới như là tắm rửa đơ bần cho được sạch sẽ vậy.

Ông Vũ禹 nghe ai nói thiện thì lạy (聞善言則拜).

Khi xưa có một vị Thuyền-sur làm cái gối tròn, chột ngủ, thì cái gối lăn đi lại thức dậy. Có người hỏi, thì ngài nói : vì 'A' nhiều mới xuất-gia, nếu không cố gắng, đêm cũng ngủ, lúc nào cũng tâm tâm niệm niệm vào đạo pháp, lúc nào cũng yên ngủ như người, thì e không thành đạo quả được, lòng sôi sắng tu hành đến như thế.

Lại một vị Thuyền-sur ban chiều còn thấy một tảng-đồ thời cơm, than rằng : lệ nhà chùa chỉ có một bữa chầu ngô (正午), nay đã chiều, lại thời cơm, thì ra chỉ lo ăn, chứ còn lo gì đến đạo, nhiều hạng tảng-già như vậy, thì đạo Phật suy-vi đáng lo !

Nói đến đây, Tiên-sinh lại nhìn các học trò mà nói tiếp rằng . này các thầy, ta, khi trẻ tuổi là một người học trò điên cuồng, đọc được mấy bộ sách Tứ-thư 四書 Ngũ-kinh 五經, làm nổi bài thơ bài phú, cho mình là thánh thần, thở ra những câu văn khinh thế, ngạo vật, coi người có nức

con người, mà đến nỗi chuẩn-triên suốt đời, cũng là vì chưa từng đọc kinh Phật, chưa hiểu thấu chân-lý cho nên mới có những sự lầm lạc như vậy.

Ta không đỗ, ta không được làm quan, cũng là một cái may cho đại kiếp của ta ! Nếu ta đắc chí mà ta sẵn có cái tinh hãn bạc ấy thì cái tội lỗi có lẽ xếp cao hơn ngọn núi Thái-sơn, tức là xây cái thành ác-nghiệp của ta vậy, chưa biết bao nhiêu kiếp đã phá tan được cái tội ác-nghiệp ấy. Cũng vì ta gian-truân cho nên mới mai quay về nghề gõ đầu trẻ, mà dạy bảo các thầy được năm ba chữ. Khi nhan hạ xem kinh Phật mới hiểu thấu chân-lý về sự nhân-quả.

Tục-ngữ có câu rằng : « Thứ nhất thì tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa » ; trong kinh Phật gọi những người đàn ông tu tại gia là « ưu-bà-tắc » 優婆塞 và đàn bà tu tại gia là « ưu-bà-đy » 優婆夷 ; như thế thì tu tại gia cũng đủ gây nên thiện nghiệp, dù chưa thành Thần, Thánh, Tiên, Phật, nhưng kiếp sau cũng được hưởng thiện-quả, rồi lại biết đời đời kiếp kiếp, tu hành tiếp tục mãi mãi, thì cái tòa hoa sen kia, an trí rồi sau này không có ta ngồi ở trên đó.

Ấu la tại gia, nhưng ta hằng :

10 Giữ được 5 điều giới : không tà dâm, không trộm cắp, tham lam, không sát hại sinh mạng, không nói càn nói dối, và không uống rượu để đến nỗi loạn chân tính.

20 Hằng bắt chước tu hành Lục-độ, tùy cơ khuyến học-chúng-sinh, gặp kẻ biền-lận thì khuyên nên bố-thí, gặp liều-lĩnh thì khuyên nên tri-giới, gặp kẻ lười biếng thì khuyên nên tinh-tiến, gặp kẻ chán nản thì khuyên nên nhẫn nhục, gặp kẻ phóng dăng thì khuyên nên thùy-định, gặp kẻ ngu muội thì làm cho mở mang tri-tuệ.

Ta xét ra đạo Phật có nhiều cái ưu điểm đặc biệt :

10 Đạo Phật không có chút gì doan nào cả : Phật dạy cái nghiệp của mình là tự mình gây ra, mình muốn có thiện nghiệp của mình phải làm lành, nếu mình làm ác thì dù Thần, Thánh, Tiên, Phật cũng không thể giáng phúc cho mình. Nay đền nợ, mai chùa kia, cũng chỉ nhọc sức mà thôi ; có điều lễ chùa niệm Phật để lúc nào cũng xưng đến cái danh-hiệu của ngài, để lúc nào cũng nhớ đến sự

lâm lạnh, mà mong học sự làm lạnh được như trong sự tích của các ngài : Bà Thị-Kính nhẫn nhục biết nhường nào ! Đức Phật Quán-thế-âm bác-ái biết nhường nào ! Ông Thiện-hữu khoan dung biết nhường nào ! Đức Thích-ca tế độ chúng sinh biết nhường nào ! Ta không từ-bi quảng-dại được như Phật, nhưng ta học cái đạo từ-bi quảng-dại của Phật « nhật tăng nguyệt tiến » 日增月進 nghĩa là ngày một tháng tiến, như thế thì sự lễ Phật, niệm Phật mới thật là có ích cho cái thiện-nghiệp của ta.

Đức Thích-ca sinh thời, có thờ ai đâu ? Sau khi Ngài mất, học trò thờ thầy, tạc tượng để thờ, thiên-hạ bắt chước làm chùa, tạc tượng các đức Phật và các vị « La-hán, Bồ-tát », mới thành ra đâu đâu cũng có chùa.

Trong kinh Phật có đâu nói về sự lập các đàn-việt chaitiêu đâu, những lễ-nghi phiến-phức ấy đều do các tăng già sau này bày đặt ra cả.

So sánh trong lục đạo thì nhân-đạo đứng vào bậc thứ nhì, nghĩa là chỉ kém thiên-đạo mà thôi, còn từ Tu-la-đạo trở xuống cho đến ngã-quỷ-đạo đều là bậc dưới nhân-đạo cả.

Phàm lệ thì bậc nhỏ có thể phủ trị cho bậc nhỏ hơn, như mặt trời hút được trái đất, trái đất lại hút được mặt giếng.

Thần, Thánh, Tiên, Phật là các bậc đứng trên bậc người có thể phủ hộ độ trì cho người, còn những hung thần hay ngã quỷ là hạng thấp hơn người thì cứu giúp người làm sao được. Có chi mà lễ bái gốc cây, hòn đá, xó núi, vệ đường, chả cũng là sự ngu muội lắm hay sao, chỉ tỏ cho những hạng tà ma ấy thêm nhờn thêm khinh, sơn ăn từng mặt, ma bắt từng người, quen cửa mà nhiều hại vậy.

Nhiều người hoài nghi các đồng cốt làm ô-diểm các cửa linh từ, như đền Kiếp hay đền Sòng vân, vân mà sao các Ngài không vật chết cho họ trông thấy, cho tiết diệt cái tệ dị đoan ấy đi.

Nhưng thử hỏi : người đối với kẻ điên cuồng, có nữ chủi đánh hay không ? Các hạng đồng cốt cũng như hạng điên cuồng ấy, Thần, Thánh có nữ ra oai làm gì.

Có chữ rằng : « Tâm tức Phật, Phật tức tâm » 心即佛

佛即心 nghĩa là tự mình giữ được cái thiện tâm tức là Phật tâm, mà tức là cái nhân của thiện-quả vậy, không phải cầu Phật tại Tây-trúc, không phải cầu Phật tại Nát-bàn, chỉ cầu Phật ngay ở trong tâm mình, tức là Nát-bàn tại tâm 涅槃在心 vậy.

Học đạo nào cũng vậy, tóm lại chỉ có một chữ « thiện » 善 mà thôi, chữ thiện ở đâu, là Phật ở đó, không nhất định ở một nơi nào cả.

20 Đạo Phật là đạo vui đời chứ không phải là đạo chán đời

Cứ bề ngoài mà coi thì các nhà tu hành, ăn thì khát-thực 乞食 nghĩa là buổi sáng đi xin các nhà, được thức gì thì chính ngộ chỉ ăn một bữa mà thôi, quá-ngộ là giờ ăn của súc sinh, cho nên nhà chùa nhục mạ bằng hai chữ : « quá-ngộ » 過午, còn mặc thì xin vải rách đủ che thân mà thôi, như thế thì tự hồ như phải chán đời, nhưng không phải; đạo Phật cho rằng : Phải làm thế nào mà tế-độ được chúng-sinh thì mới thành Phật được, kiếp này, kiếp khác, chỉ mong tu-hành tế-độ được nhiều người cho được thành Phật, mà muốn cứu đời tất phải tinh tiến, nhần-nhục, có thể tế-độ cho chúng sinh đến đâu thì tế-độ đến đấy, còn sự ăn sự mặc và sự ngủ, là ba thứ làm ngấn trở nhân-duyên tu đạo, cho nên có chữ rằng : « Phục, thực, thụ, tam giả, trường đạo nhân-duyên 服食睡三者障道因

Mà có thể thực, trừ sự ngủ ra không nói, nếu ăn ngon mặc đẹp, tất phải sa sỉ, tất phải doanh cầu, tất sinh ra làm những sự phi nghĩa, nếu cứ an bản lạc đạo 安道樂貧 nghĩa là yên nghèo vui đạo thì còn thiết cao-lương mỹ-vị, lượt là gấm vóc mà làm gì !

Đức Quán-thế-âm bồ-tát đã tu đến Bồ-tát, (Bồ-tát còn có sinh có diệt, chứ chưa được không sinh không diệt như Phật vậy), một kiếp giáng sinh làm Nam-hải Quan-thế-âm, tu tại chùa Hương-Tịch, ngài phát nguyện rằng : nếu ở thế gian còn một con xấu, con kiến nào bị đau khổ, thì ngài còn ở lại tế-độ, chứ chưa thành Phật vội. Lại một kiếp ngài giáng sinh làm bà Thị-Kính để dạy đời về sự nhần-nhục.

Đều là những sự vui làm việc đời.

(Còn nữa)

PHẬT-HỌC TỪ-ĐIỂN TẬP-YÊU

佛學辭典輯要

Bạt-cừ 跋渠 (Varga). — Bộ 部 hay là phẩm 品, tức là những thiên chương trong kinh sách.

Bạt-tốt-đồ 跋室堵 (Vastu). — Có chỗ dịch âm là Bà-số-dầu, tức là luật-tạng. Luật này nói về những giới nhẹ.

Bạt-già-na 跋遮那. — Tiếng phạm, cái vòng ở áo cà-sa. Một đời vua bên Tàu đã ban cho nhà sư Pháp-thành 法城 cái vòng ấy.

Bạt-lam 跋藍 (Bala). — Tên một ngôi về số đếm : 10 Đại mô-dat là một bạt-lam.

Ba

Ba-thoa 波叉 (Virupaksa). — Tên một vị Thiên-vương ở về phương tây trong bộ Tứ-thiên-vương, tức là Quảng-mục-thiên 廣目天.

Ba-ni 波尼 hay là Ba-ni-lam (Paniya). — Nước, nghĩa thí dụ : Đạo-lý mát lòng người cũng như nước uống khỏi khát.

Ba-nô 波奴 (Vidhu). — Tên mặt trăng, nghĩa là quang-giả 光者 (sáng).

a-tha (Pada). — Lời nói.

Ba-sa-đề-ca 波沙提迦. — Tiếng phạm, nghĩa là thanh-tịnh. Có hai nghĩa. Một là tự-tính thanh-tịnh 自性清淨. Hai là ly cấu thanh-tịnh 離垢清淨.

Ba-di-la 波夷羅 (Vajra). — Tên một vị trong 12 vị thần-tướng ở bộ Dược-sur.

Ba-thú 𠵼 (Pasu). — Cũng gọi là diệt-lý, là ngộ-dữu-nhĩ 遇廋爾 (Tiryagyoni), tức là súc-sinh.

Ba-tuần 𠵼旬. — Tiếng phạm. Loài ác ma, kẻ ác, kẻ hay giết hại. Nguyên âm là Papiyas và Papiman hay là Pápima, dịch cho đủ âm thì là 波卑夜 (Ba-bi-giạ), 波俾椽 (Ba-bi-duyện). Còn tiếng Ba-tuần này thì do ban-

dầu dịch là 波旬 (Ba-huyền), sau chép lại thì viết lầm 旬 (huyền) ra 旬 (tuần), mà sai-suyễn đi. Nhưng các sách đều nghiệp dĩ dĩ nhận là 波旬 (Ba-tuần) rồi, nay chỉ giải-thích cho biết nguyên-âm mà không cải chính nữa. Còn nhiều dịch-âm nữa như : 波旬論 ba-tuần luận, 波卑而 ba-ti-diện.

Ba-già la 波伽羅 (Parikara). — Cái áo che thân của nhà sư. Còn có dịch âm nữa là : 波利迦羅 (Ba-li-ca-la).

Ba-na-sa ○ 那娑 (Panasa), — Tên một thứ quả như quả dồng-qua mà ngọt, Trung-quốc không có.

Ba-na-hòa-dề ○ 那和提, — Tên một cõi trời, tức là cõi Tự-tại-thiên 自在天 hay là Phạm-thiên.

Ba-lị ○ 利 (Pari), — Tròn, viên-mãn, khắp.

Ba-lị-sư-ca ○ 利師迦, — Tiếng Phạm. tên một thứ hoa.

Ba-lị-nặc-phộc-nam ○ 利暱縛唎 (Parinirvana), — Tức là tiếng nát-bản cũ và nói đủ. Ba-lị 波利 (Pari) nghĩa là viên-mãn, 暱縛唎 nặc-phộc-nam là tịch diệt, hợp lại tức là viên-tịch. Sau nói tắt đi mà gọi là nát-bản, thế là sai không đủ nghĩa.

Ba-lị-đát-la-câu-la ○ 利咄羅拘迦, — Tiếng Phạm, tên một phái ngoại đạo. Phái này tu một cách khổ hạnh vô lý.

Ba-nê ○ 泥 (Mani), — Ngọc, sách Phật gọi mặt trăng *thủy-ba-nê*, gọi mặt trời là *hỏa-ba-nê* là do nghĩa đó.

Ba-ba 波波. — Tiếng Phạm nghĩa là tội-ác, tên một làng của một kẻ có tội-ác ở. Nghĩa Hán-tự: Ba-ba là với vaug hơn ba, nên Lục-tổ có câu "波波度生, Tất cả qua một đời." Lại Ba-ba kiếp kiếp 波波劫劫 là vất-vả không ngơi.

Ba-đế ○ 帝 (Pati), — Cũng dịch âm là 鉢底 bát-đề, nghĩa là làm chủ.

Ba-li-bà-sa ○ 利婆沙, — Tiếng Phạm, một điều phạt trong lãng-luật, nghĩa là phải ở riêng ra một phòng không được ở chung với chúng.

HỢP THU'

Cùng ông Nguyễn-ngọc-Giai, thư-ký chi hội Phật-giáo Hải-phòng. — Xin cảm ơn ngài đã thu tiền báo gửi cho chiếc Mandat 10\$00, và xin ngài vui lòng gửi cho bản danh sách những vị nào đã trả tiền báo trong số 10 \$ của ngài đã gửi cho.

Cụ Trang-quảng-Hưng, chùa Tây-Thiên, Chợ-lớn mới. — Xin cụ làm ơn gửi trả cho số tiền báo và tiền dăng 2 trang quảng-cáo, mà chúng tôi có lời trình cụ theo bức thư số 24 ngày 24-2-36.

Cùng sư ông Tự thanh-Thái, chùa Dục-bàng Hải-phòng. Sư ông tính số tiền 150 quyền Đuốc-Tuệ số 4 rồi gửi giã cho ; để bản báo tiện việc sổ sách .

Cảm ơn sư ông trước.

Cùng ông Phạm-bình-An, Chùa Hòa-thạch, làng Nhân-hưng ở Vĩnh-biên, Châu-đốc, Nam-kỳ — Đã lâu ngài không trả lời cho biết theo bức thư số 29 mà bản-báo đã gửi hầu ngài vào ngày 17-3-36, về việc mất Mandat của ngài gửi trả tiền báo mà bản-báo không nhận được.

Cùng ông Hồ-tấn-Phát, giáo-thụ làng Thanh-xuân, par Rạch-gòi. Xin ngài cũng trả lời theo như khoản trên của ông Phạm-bình-An, mà bản báo đã trả lời theo bức thư của ngài gửi ra ngày 9-3-36.

Cùng ông Nguyễn-Tước Douane ở Phú-mỹ. . Xin ông vui lòng chữa lại chiếc Mandat 3\$00 số 186 : để lại cho M. Cung-dinh-Bình, quản-ly báo Đuốc-Tuệ. — Bản báo đã gửi trả chiếc Mandat 3 \$00 của ngài theo bức thư số 40 ngày 2-4-36. Xin ông gửi lại cho.

Cảm ơn Cụ Trần-văn-Giác đã gửi cho cái bản kê danh sách những vị hảo tâm cúng tiền mua kính Tam-tạng mà cụ đã khuyến hóa cổ động cho chúng tôi và tiền mua báo của ông Đặng-văn-Long Cau-Ngân ; ông Thái-Phước, ông Nguyễn-mạnh-Khỏe ở Trà-vinh do cụ thu giùm, bản báo đã nhận được cái Mandat 3 \$. — Sẽ xin gửi hẳn cụ danh sách đọc-giã tại Trà-vinh để nhờ cụ vì đạo tâm thu tiền giùm cho.

Đã nhận được của sư ông Thanh-Đặc thư-ký-chi hội Phật-giáo Hưng-yên một số tiền là 30 \$ 50 trả giúp cho 32 vị độc-giả Đuốc-Tuệ tại quý chi hội.

Cùng ông Tạ-văn-Ty, Surveillant Travaux Publics à Baria. — Bản báo không nhận được thư trước và tem của ông gửi trả tiền báo. Vậy xin ông trả cho nửa năm, bản báo xin gửi tới số 26 hầu ông xem.

Sư ông Yến chùa xã Cát-lại. Bản báo đã có thư trình sư ông về việc thu giúp tiền báo tại quý hạt, sư ông cử động cho, và sau khi thu được ít nhiều bản báo được tiện việc sổ sách.

Cùng ông Phúc 51 Rue du Procureur Nam-dịnh. Xin gửi hầu ông Đuốc-tuệ đồng niên kể từ số 13 trở đi; giá tiền là 1 \$ 00. Ông cứ giao ông Giáo Trình, thư-ký hội Phật-giáo Nam-dịnh.

Cùng ông Niệm-thới, phó pháp-sư làng Đa-phước-hội Mọcay. Vừa tiếp đặng thư ngài đề ngày 27-4-36 hỏi có gửi báo cho Hòa-thượng chùa Phú-long, làng Phú-mỹ không, chúng tôi mới biết Hòa-thượng có dặn ngài biên tên mua báo, thì chúng tôi liền gửi báo về Hòa-thượng kể từ số 13 trở đi. Chứ còn từ trước chúng tôi chẳng nhận đặng cái thư nào cả.

Cùng ông chủ báo « Duy-tân Phật-học ». Sao đã hai tháng nay không thấy quới báo gửi cho cụ Thuyền-giả Phật-cử chùa Vĩnh-nghiêm, làng Đức-la, tỉnh Bắc-giang, Tol. Xin ngài biểu gửi báo tiếp cho.

Cùng ông Phan-lĩnh-Nam Faifo. Tiếp thư ông nói trả 0 \$ 50 bằng tem đề mua nửa năm báo nữa nhưng trong thư không thấy có tem.

Cúng gạch làm chùa

Cụ Nguyễn thị-Lan chủ hiệu Đức-lợi số nhà 60 Hàng Gai cúng một vạn gạch vào việc làm chùa Hội-quán Trung ương thay vào số tiền 30 \$ 00 mà kỳ Hội-đồng làm chùa ngày 19-9-35 cụ hứa cúng.

Chi hội Xuân-trường

Ngày 19 Avril vừa rồi, chi hội Phật-giáo Xuân-trường đã thành lập, lấy chùa Lạc-cư làm hội-quán.

Trước khi làm lễ thành-thành, các hội-viên bên nội-hồ và ngoài hồ có cử hành cuộc rước kinh rất long trọng, thòe phương đến xem lễ trên mấy nghìn người.

Cụ Hiệp-tá Nguyễn Văn nhân Hội-trưởng hội Phật-giáo, không học không về chứng kiến được, có ủy hai vị hội-viên về một sự-cụ Thượng-tọa đi dự lễ khánh thành ấy. Các phủ Xuân-trường và quan huyện Giao-thủy cũng có dự lễ này.

Cụ Bằng Nguyễn-can-Mộng có diễn-thuyết về tôn-chí Phật và mục-đích hội Phật-giáo, cụ Bằng nói rất rõ ràng và mạnh-mẽ, công chúng hoan nghênh lắm.

Các thiện-nam tín-nữ vùng này, xem ra hoan hỉ lắm, và có lòng sùng Phật-giáo nhiều, chắc chi hội này sẽ chóng phát đạt, và sau này thành một chi hội to tát trong hạt Xuân-trường.

Ban trị-sự bên làng bên tục ở chi hội này xem ra nhiệt thành lắm, nhất là ông Nghị Bùi-dức-Phu và sự-cụ Lăng-lãng.

Ước ao rằng các phủ huyện khác, cũng có nhiều người có lòng có đạo như thế thì không bao lâu, mà các nơi đều lập chi hội Phật-giáo, đạo Phật sẽ lan khắp trong nước, tỏ rằng cái tôn chỉ từ bi bác ái, cứu khổ cứu nạn cho loài người.

TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CŨ

Những vị Hội-viên quá cố ghi tên sau này. Bản hội đã đến thăm viếng và ban Hộ-niệm của Hội đã cử hành lễ tiếp linh tây qui khi lũng-chung, lại đã đều đặt các linh vị để thờ tại chùa Hội-quán, và lần lượt đến tuần « Tứ cửu » của vị nào thì làm lễ cầu Phật siêu độ cho vị ấy, để giải nghĩa đồng-đạo với nhau.

— Cụ Trần-thị-Xuyên ở phố Đông-hòa Hải-dương viên tịch ngày 4-4-36.

— Bà Lê-Dư, 12 phố Bovet-Hanoi, viên tịch ngày 7-4-36.

— Bà Trần-thị-Hơi ở phố Mới Hanoi viên tịch ngày 7-4-36.

— Ông Quân-vân-Vinh ở xã Xuân-cầu, Văn-giang, Bắc-ninh viên tịch ngày 9-4-1936.